

Bản án số: 12/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 28/01/2021

V/v ly hôn giữa chị V và anh G

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: ông: Đinh Quốc Hội, ông: Nguyễn Thanh Toàn

- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng – Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên toà: ông Tô Hoài –
Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2020/TLST – HNGĐ ngày 03/8/2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị V; sinh năm 198*

Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Bị đơn: anh Đinh Văn G; sinh năm 197*

Địa chỉ: tiểu khu *, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Minh Hóa, Bắc Quảng Bình; địa chỉ: tiểu khu 7, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Ông Cao Quang Đ – cán bộ tín dụng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Minh Hóa, Bắc Quảng Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25/01/2021); có mặt.

- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: tiểu khu 1, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/07/2020 và trong bản tự khai cũng như tại quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

- về hôn nhân: chị V và anh G quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào 29/10/2007 tại UBND xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, mặc dù có hai mặt con nhưng hàng ngày tình cảm vợ chồng luôn xảy ra xung đột, anh G hàng ngày xúc phạm chị V, chị V đã cố gắng chịu đựng để con cái có được tình cảm của cha và mẹ, tình trạng này kéo dài cho đến nay và điều quan trọng là cả hai không thể cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình hòa thuận, hôn nhân gia đình không đạt được. Hiện tại chị cũng không còn tình cảm vợ chồng với anh G nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh G.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có hai con chung cháu Đình Tuấn V, sinh ngày 11/01/2010 và cháu Đình Khánh P, sinh ngày 27/01/2013, hiện tại hai con đang ở với chị V, nguyện vọng của chị V là xin được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh G đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- tài sản chung: đề nghị Tòa án chia đôi số tài sản chung là 01 mảnh đất tại thôn Yên Thắng, xã Yên Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- nợ chung: đề nghị Tòa án chia đôi số nợ chung số tiền vay 200.000.000 đ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Minh Hóa, Bắc Quảng Bình và số tiền 30.000.000 đ vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Tại bản tự khai ngày 16/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án anh Đình Văn G trình bày:

- về hôn nhân: anh và chị V có kết hôn và chung sống đúng như lời trình bày của chị V. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, hai vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì chỉ có cãi vã. Vào lúc tối ngày 20/7/2020, anh đã bắt gặp chị V đã ngoại tình với một người đàn ông khác, chị V đã ngoại tình trong khoảng thời gian anh G đi công tác xa nhà. Cuộc hôn nhân đã vỡ, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, anh G không chấp nhận một người vợ như thế. Đồng ý ly hôn như ý kiến của chị V.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Đình Tuấn V, sinh ngày 11/01/2010 và cháu Đình Khánh P, sinh ngày 27/01/2013. Hai con đang ở với chị V, anh G cũng muốn nuôi con, đề nghị Tòa án giao cho anh G chăm sóc 01 con.

- tài sản chung: đề nghị Tòa án chia đôi số tài sản chung là 01 mảnh đất tại thôn Yên Thắng, xã Yên Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- nợ chung: đề nghị Tòa án chia đôi số nợ chung số tiền vay 200.000.000 đ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Minh Hóa, Bắc Quảng Bình và số tiền 30.000.000 đ vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Tại bản tự khai cháu Đình Tuấn V và cháu Đình Khánh P đều có mong muốn được ở với chị Vân.

Ngày 29/12/2020, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là mảnh đất thôn Yên Thắng, xã Yên Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên toà:

Chị V: vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, mong Toà án giải quyết cho ly hôn, xin nuôi hai con với lý do anh G công tác ở thị trấn Quy Đạt và ở trọ, là cán bộ hợp đồng tại Phòng tài chính kế hoạch huyện Minh Hóa nên không thể chăm sóc hai con và đảm bảo điều kiện cho hai con học tập, phát triển các kỹ năng sống cho hai con. Chị là giáo viên thu nhập hàng tháng là 12.600.000 đ, chị đủ sức chăm sóc, nuôi dạy hai con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: chị V và anh G đã tự giải quyết xong nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

Anh G: đồng ý ly hôn, về con chung: theo nguyện vọng của hai con thì hai con ở với mẹ cũng được, nếu Hội đồng xét xử giao cho anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một con cũng được. Về tài sản chung, nợ chung: anh G và chị V đã tự giải quyết xong nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

Ông Cao Quang Đ: chị V và anh G đã trả xong số tiền vay 200.000.000 đ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Minh Hóa, Bắc Quảng Bình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên toà Hội đồng xét xử, thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- về nội dung: về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Đình Văn G; về con chung: giao con chung là cháu V và P cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, do chị V không yêu cầu anh G đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét; chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: chị V yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn với anh G, tranh chấp trong vụ án là quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại tiểu khu 1, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị V và anh G kết hôn với nhau vào năm 2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị V: vợ chồng chị V và anh G không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của chị V và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị V là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: hai vợ chồng có 02 con chung cháu Đình Tuấn V, sinh ngày 11/01/2010 và cháu Đình Khánh P, sinh ngày 27/01/2013, hiện tại con đang ở với chị V.

Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại hai con đang ở chị V, hai cháu V và P đều có nguyện vọng được ở với mẹ, chị V cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu V và P cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do chị V không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

[5]. Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung: tại phiên tòa các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về chi phí tố tụng: chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định và định giá tài sản: chị Nguyễn Thị V thỏa thuận chịu 2.000.000 đ.

[7]. Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

[8]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị V phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 165, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Đinh Văn G.

2. Về con chung: giao hai con chung cháu Đinh Tuấn V, sinh ngày 11/01/2010 và cháu Đinh Khánh P, sinh ngày 27/01/2013 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V không yêu cầu anh G đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom đến cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, có quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Tòa không xét.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: chị Nguyễn Thị V chịu toàn bộ là 2.000.000 đ.

5. Về án phí: chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0004326 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

6. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/01/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Hóa Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ